

ĐẢNG LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO THỜI KỲ ĐỔI MỚI

LÊ THỊ HỒNG NHIÊN*

Ngày nhận: 6/3/2020

Ngày phân biên: 22/3/2020

Ngày duyệt đăng: 20/5/2020

Tóm tắt: Trong thời kỳ đổi mới đất nước, cùng với sự phát triển của nền kinh tế nhiều vấn đề xã hội ở Việt Nam cũng được quan tâm giải quyết và đã đạt nhiều kết quả hết sức nổi bật, trong đó phải kể đến công tác xóa đói giảm nghèo. Những thành tựu đạt được trong công tác xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam một lần nữa khẳng định, minh chứng về vai trò và sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với toàn xã hội; từ đó góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng và phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Từ khóa: Thành tựu; xóa đói, giảm nghèo; xã hội.

THE PARTY LEADERS IMPLEMENTED HUNGER ELIMINATION AND POVERTY REDUCTION IN THE RENOVATION PERIOD

Abstract: During the period of national renovation, along with the development of the economy, many social issues in Vietnam were also concerned to solve and achieved remarkable results, including the elimination of hunger and poverty reduction. Achievements in the work of poverty reduction in Vietnam have once again affirmed and demonstrated the correct role and leadership of the Communist Party of Vietnam for the whole society; thereby contributing to the successful achievement of objectives and tasks of building and developing the country in the direction of socialist orientation.

Keywords: Achievement; Poverty reduction; society.

1. Quan điểm, chủ trương của Đảng về xóa đói giảm nghèo

Ở Việt Nam, ngay từ khi đất nước ta mới giành được độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã rất quan tâm đến nhiệm vụ chống đói nghèo. Hơn thế, Người còn xem đói nghèo như là một thứ “giặc”. Người khẳng định: “Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ.

Chúng ta phải thực hiện ngay:

1. Làm cho dân có ăn.
2. Làm cho dân có mặc.
3. Làm cho dân có chỗ ở.
4. Làm cho dân có học hành” [7; tr.175]

Có thể nói, tư tưởng của Hồ Chí Minh về thực hiện xóa đói giảm nghèo đã được Đảng ta quán triệt và thực hiện xuyên suốt trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng. Đặc biệt trong thời kỳ đổi mới đất nước, Đảng ta xác định xóa đói giảm nghèo không chỉ là một nhiệm vụ quan trọng, một chủ trương lớn mà còn là vấn đề kinh tế - xã hội bức bách. Cụ thể, tại Đại hội VII của Đảng (1991) thông qua *Chiến lược ổn định và*

phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000, một trong bốn nội dung của mục tiêu tổng quát của Chiến lược là: “Phấn đấu xóa nạn đói, giảm số người nghèo khổ, giải quyết vấn đề việc làm, đảm bảo các nhu cầu cơ bản, cải thiện đời sống vật chất, văn hoá và tinh thần của nhân dân” [6; tr.157]. Nội dung trên đã thể hiện rất rõ quan điểm, chủ trương của Đảng ta trong việc quyết tâm thực hiện công tác xóa đói, giảm nghèo và mục tiêu thực hiện xóa đói, giảm nghèo là nhằm đảm bảo cải thiện, nâng cao đời sống vật chất, văn hoá và tinh thần cho người dân.

Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (1996) Đảng ta tiếp tục khẳng định: “Thực hiện tốt chương trình xóa đói giảm nghèo, nhất là đối với vùng căn cứ cách mạng, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Xây dựng và phát triển quỹ xóa đói giảm nghèo bằng nhiều nguồn vốn trong và ngoài nước; quản lý chặt chẽ, đầu tư đúng đối tượng và có hiệu quả” [4; tr.114-115] để “thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển, về mức sống giữa các vùng, các dân tộc, các tầng lớp dân cư”

* Trường Chính trị Phạm Hùng

[4; tr.114-115]. Qua đây có thể nói, vấn đề xoá đói giảm nghèo được Đảng ta tiếp tục xác định là một trong những chương trình, nhiệm vụ lớn cần phải được tiếp tục thực hiện; song Đảng ta chủ trương trong thực hiện cần phải tập trung quan tâm đối với vùng căn cứ cách mạng và vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số. Bởi trên thực tế, vùng căn cứ cách mạng là những vùng chịu ảnh hưởng nặng nề của hậu quả chiến tranh; đời sống người dân còn nhiều khó khăn. Thực hiện tốt nhiệm vụ xoá đói giảm nghèo sẽ góp phần khắc phục sự bất bình đẳng, sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các vùng miền và các dân tộc với nhau. Trên tinh thần đó ngày 29-11-1997, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 23-CT/TW về lãnh đạo thực hiện công tác xoá đói, giảm nghèo và Chương trình mục tiêu quốc gia về xoá đói, giảm nghèo lần đầu tiên được Chính phủ phê chuẩn vào năm 1998.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X (2006), Đảng ta chỉ rõ: “Đa dạng hoá các nguồn lực và phương thức thực hiện xoá đói, giảm nghèo theo hướng, phát huy cao độ nội lực và kết hợp sử dụng có hiệu quả sự trợ giúp của quốc tế. Nhà nước tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội và trợ giúp về điều kiện sản xuất, nâng cao kiến thức để người nghèo, hộ nghèo, vùng nghèo tự vươn lên thoát nghèo và cải thiện mức sống một cách bền vững; kết hợp chính sách của nhà nước với sự giúp đỡ trực tiếp và có hiệu quả của toàn xã hội, của những người khá giả cho người nghèo, hộ nghèo, nhất là đối với những vùng đặc biệt khó khăn. Ngăn chặn tình trạng tái nghèo” [5, tr.217]. Như vậy, có thể thấy quan điểm, chủ trương của Đảng ta về thực hiện công tác xoá đói, giảm nghèo ngày càng được thể hiện một cách đầy đủ, cụ thể hơn và đặc biệt là có sự thay đổi, phát triển mới trong nhận thức đối với công tác xoá đói, giảm nghèo. Cụ thể, trước đây, quan điểm về thực hiện công tác xoá đói, giảm nghèo được đề cập chủ yếu là nhằm nâng cao đời sống người dân, khắc phục sự chênh lệch giữa các vùng miền, các tầng lớp dân cư thì đến Đại hội X đã xuất hiện các từ khóa: “xây dựng kết cấu hạ tầng”, “điều kiện sản xuất”, “kiến thức”, “tự vươn lên thoát nghèo”. Điều này thể hiện sự song hành trong xoá đói, giảm nghèo giữa việc Nhà nước tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật với việc khuyến khích người dân tự nâng cao năng lực sản xuất, chủ động thoát nghèo, tránh tình trạng xoá nghèo thiếu bền vững, hết nghèo rồi lại tái nghèo.

Quan điểm của Đảng ta về thực hiện công tác giảm nghèo, đặc biệt là giảm nghèo bền vững, được tiếp tục khẳng định tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (2016), cụ thể Đảng ta nhấn mạnh: “Thực

hiện tốt các chính sách phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và nâng cao đời sống của người dân trên địa bàn nông thôn. Tập trung làm tốt công tác nâng cao dân trí, chăm sóc sức khoẻ, giải quyết việc làm, giảm nghèo bền vững” [8; tr.284] và “Đổi mới chính sách giảm nghèo theo hướng tập trung, hiệu quả và tiếp cận phương pháp đo lường nghèo đa chiều, nhằm bảo đảm an sinh xã hội cơ bản và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản” [8; tr.137]. Quan điểm trên của Đảng ta cho thấy rất rõ, việc thực hiện xoá đói, giảm nghèo phải gắn với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và muốn giảm nghèo một cách bền vững, thì cần chú trọng đến việc nâng cao trình độ cho người dân cũng như giải quyết tốt vấn đề lao động việc làm. Bên cạnh đó, Đảng ta xác định trong đánh giá hộ nghèo, người nghèo cũng cần phải đảm bảo mang tính toàn diện. Cụ thể, ngoài việc đánh giá người nghèo, hộ nghèo thông qua tiêu chí thu nhập, thì cần phải nhìn nhận trên cả phương diện vật chất, lẫn tinh thần qua các tiêu chí: được khám chữa bệnh, được đi học, được nghe đài, xem ti vi, có phương tiện đi lại gắn động cơ, ăn ở hợp vệ sinh... Phải thấy rằng, từ những thay đổi trong quan điểm, nhận thức về công tác xoá đói, giảm nghèo, nhất là quan điểm về phương pháp đo lường nghèo đa chiều, đã dẫn đến hình thành nhiều phương pháp và cách thức hành động mới trong công tác xoá đói, giảm nghèo trên tinh thần phát huy nội lực của cả quốc gia và từng người dân nhằm mục đích làm cho công tác xoá đói giảm nghèo bền vững hơn.

2. Quá trình thực hiện công tác xoá đói giảm nghèo

Trong quá trình lãnh đạo, Đảng ta đã đặt công tác xoá đói, giảm nghèo trong điều kiện chuyển sang nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế. Điều đó được thể hiện ở các điểm cơ bản như sau:

- Coi chủ thể xoá đói giảm nghèo là bản thân người nghèo; vì vậy, người nghèo cần tự mình vươn lên trong lao động sản xuất, kinh doanh với sự hỗ trợ của Nhà nước và xã hội theo phương châm “cho cần câu hơn là cho xâu cá”.

- Chuyển sang kinh tế thị trường sự chênh lệch giàu nghèo sẽ tăng lên; do đó, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội luôn luôn coi trọng khuyến khích làm giàu hợp pháp, đi đôi với đẩy mạnh xoá đói, giảm nghèo.

- Coi hoạt động xoá đói giảm nghèo là một hoạt động mang tính tổng thể với nhiều cách thức, biện pháp phong phú, nhiều tổ chức, đoàn thể trong đó vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là rất quan trọng, các doanh nghiệp của các thành phần kinh tế tham gia dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước.

- Đặt công tác xoá đói giảm nghèo trong điều kiện hội nhập quốc tế, nghĩa là không chỉ tích cực thực hiện các mục tiêu thiên niên kỷ của Liên hợp quốc về xoá đói, giảm nghèo hay tranh thủ sự giúp đỡ của quốc tế mà còn phải từng bước tiếp cận với chuẩn nghèo quốc tế.

Trên tinh thần đó, trong chỉ đạo hoạt động thực tiễn, nhất là đối với công tác xoá đói, giảm nghèo, Đảng và Nhà nước ta đã thực hiện nhiều biện pháp khác nhau để từng bước thực hiện xoá đói giảm nghèo. Cụ thể, từ năm 1993 đến nay, Chính phủ đã triển khai nhiều chương trình như: Chương trình hỗ trợ người nghèo, người dân tộc thiểu số sản xuất theo Quyết định số 113 của Thủ tướng Chính phủ; Chương trình phủ xanh đất trống, đồi trọc theo Quyết định 327 của Thủ tướng Chính phủ; Chương trình xoá đói, giảm nghèo và tạo việc làm trong những năm 1998-2002 theo Quyết định số 143 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định Số: 134/2004/QĐ-TTg về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn; Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo; Nghị quyết 76/2014/QH13 của Quốc hội về việc đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020... Đặc biệt, ở Việt Nam ngày 17-10 hàng năm đã được chọn là Ngày vì người nghèo.

Với ý chí, quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân ta trong cuộc đấu tranh chiến thắng đói nghèo, đặc biệt là dưới sự lãnh đạo của Đảng, trong những năm qua công tác xoá đói, giảm nghèo ở nước ta đã đạt được những thành tựu hết sức nổi bật. Cụ thể, về giải quyết việc làm, từ năm 2001 - 2005, đã tạo được việc làm cho 7,5 triệu lao động [11, tr.33] và từ năm 2010 - 2015 đã tạo việc làm cho 7,8 triệu lao động, trong đó đi lao động ở nước ngoài khoảng 469 nghìn người [8; tr.238-239]. Riêng trong năm 2018 đã tạo việc làm cho hơn 1,64 triệu người, tăng 0,5% so với năm 2017; trong đó, tạo việc làm trong nước khoảng 1,5 triệu người [1; tr.80]. Về thu nhập, nhìn chung trong những năm qua thu nhập bình quân đầu người ở Việt Nam không ngừng tăng lên. Năm 2000 thu nhập bình quân đạt 5,7 triệu/người/năm, năm 2005 tăng lên 10 triệu/người/năm [5; tr.58]. Đặc biệt năm 2019, thu nhập bình quân đầu người ở Việt Nam đạt khoảng 69 triệu đồng/người/năm. Về đầu tư cơ sở hạ tầng tại các xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn, nếu như năm 2000, có gần 4.000 công trình được đưa vào sử dụng thì đến năm 2006 có trên 30.000 công trình [7; tr.350]. Theo Báo cáo kết quả giám sát về "Việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hiện

Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số, miền núi giai đoạn 2012-2018" đã có khoảng 25.000 công trình hạ tầng được đầu tư, xây dựng trên địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số, miền núi. Tính đến giữa năm 2019, đa số các xã đã có đường ô tô đến trung tâm; 88% thôn có đường cho xe cơ giới và 42% thôn có đường giao thông đạt chuẩn; 99% trung tâm xã và 80% thôn có điện; 65% xã có hệ thống thủy lợi nhỏ đáp ứng yêu cầu sản xuất và đời sống [10]. Về tỷ lệ hộ nghèo, nhìn chung trong những năm qua tỷ lệ hộ nghèo ở nước ta giảm khá nhanh từ 17,5% năm 2001 xuống còn 7% năm 2005, bình quân mỗi năm giảm được trên 30 vạn hộ. Năm 2018, tỷ lệ hộ nghèo cả nước giảm xuống còn 5,3%, giảm khoảng 1,5 % so với năm 2017, riêng các huyện nghèo giảm trên 4%. Tính đến tháng 3 - 2018, đã có 8/64 huyện thuộc Nghị quyết 30a thoát nghèo và 14/30 huyện hưởng cơ chế 30a thoát khỏi tình trạng khó khăn [1; tr.80]. Tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chuẩn nghèo đa chiều cả nước giảm từ 9,2% năm 2016 xuống dưới 3% năm 2019 [3; tr.94].

Thành tựu của công tác xoá đói, giảm nghèo ở nước ta không những thể hiện sự cam kết chính trị mạnh mẽ của Đảng và Nhà nước với cộng đồng quốc tế mà còn tạo được hình ảnh, vị thế tốt đẹp của Việt Nam trên trường quốc tế. Hơn thế những thành quả từ trong công tác xoá đói giảm nghèo ở Việt Nam còn được cộng đồng quốc tế ghi nhận và đánh giá cao. Cụ thể, tại Báo cáo phát triển Việt Nam năm 2004 của Ngân hàng thế giới đã ghi nhận: "Những thành tựu giảm nghèo của Việt Nam là một trong những câu chuyện thành công nhất trong phát triển kinh tế". Năm 2006, Việt Nam đã tuyên bố hoàn thành Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ (MDGs) về xoá bỏ tình trạng đói nghèo cùng cực và thiếu đói, về đích trước 10 năm so với thời hạn (năm 2015). Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, ở một mức độ nhất định công tác xoá đói, giảm nghèo ở nước ta vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định cần phải được tiếp tục nghiên cứu và có giải pháp khắc phục.

Một là, một số chính sách hỗ trợ giảm nghèo chưa thật sự phù hợp với người nghèo từ đó ảnh hưởng đến hiệu quả chung của chương trình xoá đói giảm nghèo của cả nước.

Nhìn chung trong những năm qua, chính sách, giải pháp hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo vẫn là chính, là chủ yếu như: nhà ở, bảo hiểm y tế, giáo dục... nên chỉ thích hợp trong ngắn hạn, trước mắt, hiệu quả về lâu dài thì còn hạn chế và thiếu bền vững. Ngoài ra, cơ chế hỗ trợ người nghèo chưa thật sự hướng vào mục đích nâng cao nhận thức, năng lực và tính làm

chủ, người nghèo chưa thật sự chủ động vươn lên thoát nghèo. Do vậy, trong thực tế vẫn còn không ít người nghèo nặng tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào sự trợ giúp của cấp trên.

Hai là, công tác sơ kết, đánh giá, điều tra, rà soát hộ nghèo chủ yếu dựa trên các báo cáo với lượng thông tin đôi khi chưa đầy đủ.

Mặc dù trong thực tế công tác sơ kết, tổng kết về công tác xoá đói giảm nghèo được quan tâm thực hiện, song việc kiểm tra, giám sát hoạt động giảm nghèo có lúc, có nơi còn chưa được thường xuyên, chưa chặt chẽ. Chẳng hạn, ở cơ sở hàng năm đều có xây dựng kế hoạch kiểm tra theo định kỳ, tuy nhiên kết quả chỉ quan tâm đến chỉ tiêu đạt được mà chưa quan tâm nhiều đến chất lượng của công tác xoá đói giảm nghèo. Chưa xây dựng được cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý đối tượng, tổ chức kiểm tra, đánh giá chủ yếu dựa vào báo cáo, vẫn bản trong khi đó vẫn còn tình trạng báo cáo thiếu thông tin, báo cáo chưa chính xác. Bên cạnh đó, Công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo phương pháp tiếp cận nghèo đa chiều khi thực hiện điều tra một số nơi còn lúng túng trong xác định đối tượng, ghi chép thông tin còn sai, sót. Đặc biệt là phần chấm điểm theo phiếu rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhiều điểm chưa hợp lý.

Ba là, thiếu đội ngũ cán bộ làm công tác xoá đói giảm nghèo có đủ năng lực để thực hiện chương trình.

Qua thực tế cho thấy, đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các cấp thật sự chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ đặt ra, còn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng. Đặc biệt là tại cấp cơ sở (xã, phường, thị trấn) vẫn chưa có cán bộ chuyên trách làm công tác giảm nghèo mà cơ bản đều là kiêm nhiệm. Thêm vào đó, cán bộ làm công tác giảm nghèo thường xuyên luân chuyển khiến cho công tác triển khai, thực thi chính sách giảm nghèo đối với các đối tượng còn chậm và khó khăn. Hạn chế về trình độ, thiếu thông tin về quan điểm, chủ trương, đường lối và nội dung các chương trình giảm nghèo, dẫn đến khả năng tham mưu, đề xuất, thực hiện chương trình giảm nghèo tại một số địa phương còn hạn chế.

Bốn là, mức chênh lệch giữa các vùng, các nhóm dân cư ngày càng tăng lên.

Mặc dù đạt được nhiều thành tựu trong công tác giảm nghèo nhưng ở nước ta vấn đề chênh lệch giữa các vùng miền, giữa các nhóm dân cư ngày càng lớn. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều ở khu vực thành thị là 2,1% trong khi khu vực nông thôn là 6,45%; tỷ lệ hộ nghèo của dân tộc kinh là 6,4% trong khi dân tộc Mông lên đến 76,2%, dân tộc Dao là 37,5%, dân tộc Khmer là 24% [12; tr.57].

Năm là, giảm nghèo chưa thật sự bền vững, tình trạng tái nghèo còn khá phổ biến ở nhiều địa phương.

Trong thời kỳ đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn trong công tác giảm nghèo, được thế giới đánh giá là điểm sáng hoàn thành mục tiêu thiên niên kỷ trước thời hạn. Tuy nhiên, tình trạng tái nghèo có lúc, có nơi chưa được kiểm chế và có xu hướng gia tăng. Đây chính là một trong những vấn đề lớn đặt ra trong công tác giảm nghèo ở nước ta. Qua thống kê cho thấy số hộ tái nghèo bằng khoảng 5% số hộ thoát nghèo. Bên cạnh đó, tỷ lệ hộ nghèo phát sinh tương đối lớn, bằng 22,98% so với tổng số hộ thoát nghèo [2].

3. Một số đề xuất nhằm phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng trong công tác xoá đói, giảm nghèo

Để tiếp tục phát huy những thành quả đạt được trong công tác xoá đói giảm nghèo cũng như để hiện thắng lợi các yêu cầu, mục tiêu về giảm nghèo và nhất là không ngừng củng cố, phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng cần chú ý một số nội dung:

- Tập trung chỉ đạo, nghiên cứu xây dựng các mô hình giảm nghèo phù hợp với điều kiện thực tế của từng xã, ấp, xóm; triển khai các hoạt động tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của người nghèo, hộ nghèo và của cả cộng đồng; phải biết phát huy nội lực, tinh thần tự lực, tự cường của dân tộc để cùng nỗ lực vươn lên thoát nghèo.

- Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện công tác giảm nghèo các cấp, nhất là ở cấp cơ sở; tổ chức sơ kết, tiến hành tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm để điều chỉnh kế hoạch và đưa ra biện pháp cho phù hợp với tình hình thực tế.

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể trong công tác giảm nghèo. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về công tác giảm nghèo đối với các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể đến các tầng lớp nhân dân, gắn công tác giảm nghèo với nhiệm vụ chính trị và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo điều hành, củng cố Ban chỉ đạo giảm nghèo các cấp; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng ngành, từng cấp trong thực hiện mục tiêu chung trong đó chú trọng đến thu nhập lương và phụ cấp đối với cán bộ phụ trách công tác giảm nghèo.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động người nghèo, hộ nghèo phấn đấu vươn lên thoát nghèo, không trông chờ, ỷ lại vào các chính sách hỗ trợ của Nhà nước; hạn chế cho không, tăng chính sách hỗ trợ có điều kiện gắn với đối tượng, đảm bảo thời gian thụ hưởng nhằm tăng cơ hội tiếp cận các chính sách và khuyến khích sự chủ động, tích cực tham gia của người

nghèo thông qua việc biểu dương khen thưởng đối với hộ thoát nghèo, không tái nghèo; hỗ trợ nguồn lực cho người nghèo nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo có hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương; nâng cao năng lực người nghèo về mọi mặt, đặc biệt là kiến thức sản xuất, tiếp cận thông tin thị trường và ý thức tiết kiệm trong sinh hoạt của mỗi hộ gia đình, để tích lũy cho sản xuất; khen thưởng các xã, phường, thị trấn thực hiện tốt mục tiêu thoát nghèo nhanh và bền vững.

- Đảng uỷ, chính quyền địa phương thường xuyên bám sát cơ sở theo dõi, phân loại, xác định nguyên nhân nghèo, để có biện pháp hỗ trợ, giúp đỡ thiết thực; cần gắn các chương trình mục tiêu quốc gia về xoá đói, giảm nghèo với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, chú trọng công tác kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện các chính sách, chương trình dự án về giảm nghèo, đảm bảo người nghèo được thụ hưởng đúng, đủ, kịp thời các chính sách hỗ trợ của Nhà nước.

- Thực hiện tốt việc phân công các cơ quan, đơn vị, nhận giúp đỡ các xã đặc biệt khó khăn. Lãnh đạo các cơ quan, đơn vị phụ trách giúp xã nghèo, huyện nghèo cần nêu cao tinh thần trách nhiệm, thường xuyên bám sát cơ sở, nắm tình hình, kịp thời chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn cơ sở thực hiện tốt nhiệm vụ. Phát huy hiệu quả mô hình đảng viên vượt khó vươn lên thoát nghèo và đảng viên có điều kiện nhận giúp đỡ hộ nghèo, hộ cận nghèo vươn lên thoát nghèo. □

Tài liệu tham khảo

1. Ban Tuyên giáo Trung ương (2018), Tài liệu học tập các Văn kiện hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.80.
2. Báo Nhân dân điện tử (2018), Giao lưu trực tuyến “Để chính sách giảm nghèo đi vào cuộc sống”, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 2/2020), Dự thảo các Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, tr.94.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
7. Đảng lãnh đạo phát triển xã hội thời kỳ đổi mới, một số vấn đề lý luận và thực tiễn, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
9. Hồ Chí Minh, Toàn tập (2011), t.4, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
10. Phạm Thanh (2019), Vì sao giảm nghèo chưa thật sự bền vững, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam.
11. Tạp chí Cộng sản, số 3-2008, tr.33.
12. Tạp chí Tài chính kỳ 2, 8-2019, tr.57.

CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN,...

(Tiếp theo trang 113)

dài, đầu tư trang thiết bị cần thiết; tổ chức tập huấn cho đội ngũ cán bộ tư pháp, tuyên truyền viên pháp luật để từng bước đẩy nhanh, hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin trong tuyên truyền.

Để đáp ứng nhu cầu tìm hiểu thông tin đa dạng, nhanh chóng các doanh nghiệp cũng nên triển khai tuyên truyền, vận động qua mạng xã hội Facebook, qua các trang thông tin về pháp luật; xây dựng tủ sách pháp luật điện tử. Thực tế cho thấy, việc ứng dụng công nghệ thông tin sẽ mở rộng đối tượng tiếp nhận và nội dung tuyên truyền; góp phần giảm chi phí, nguồn nhân lực trong quá trình thực hiện; hoạt động tuyên truyền các chính sách, pháp luật mới ban hành đến công nhân được kịp thời.

5. Kết luận

Công tác tuyên truyền, giáo dục công nhân có vị trí rất quan trọng để xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh, xứng đáng là giai cấp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Đối với các doanh nghiệp hiện nay, đứng trước những tác động của nền kinh tế thị trường, một bộ phận công nhân có biểu hiện mờ nhạt về ý thức chính trị, thiếu hiểu biết pháp luật và chưa tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ nên dẫn tới hiệu quả lao động chưa xứng tầm với vị trí của doanh nghiệp nhà nước hiện nay. Việc đổi mới nội dung, phương thức vận động công nhân theo hướng hiện đại sẽ góp phần biến chuyển chất lượng công nhân trong các doanh nghiệp nhà nước trong những năm tiếp theo. □

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), Văn kiện Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa X, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Dương Văn Sao (2014), Phát huy vai trò của công đoàn trong nâng cao ý thức chính trị và kỷ luật cho công nhân, Tạp chí Lý luận chính trị, số 7, tr.13, 17.
3. Đặng Ngọc Tùng (chủ biên, 2011), Xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam giai đoạn 2011-2020, Nxb Lao động, Hà Nội.
4. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (2004), Một số vấn đề cơ bản về xây dựng, phát huy vai trò giai cấp công nhân Việt Nam trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Nxb Lao động, Hà Nội.
5. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (2001), Xu hướng biến động giai cấp công nhân Việt Nam trong những năm đầu thế kỷ XXI, Nxb. Lao động, Hà Nội.
6. Nguyễn Viết Vượng (2010), Giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn Việt Nam trong những năm đầu thế kỷ XXI, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
7. Luật Doanh nghiệp (2014), Nxb Chính trị Quốc gia.
8. Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2013).